

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST

Ngày 20 - 4 - 2021

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh
2. Ông Nguyễn Đình La

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phùng Văn N**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn T., xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 7 năm 2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Văn N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn vào ngày 15 tháng 02 năm 1986, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, bà L về làm dâu và chung sống với gia đình ông được thời gian ngắn khoảng 02 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác do ông không làm ra kinh tế nên bà Lý thường xuyên hắt hủi, xúc phạm ông, không quan tâm đến ông. Ông cũng đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn

nhưng sau đó rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là cháu Phùng Văn V, sinh ngày 03/11/1995, cháu Phùng Thị Y, sinh ngày 06/02/1999 và cháu Phùng Văn A, sinh ngày 09/5/2002. Hiện cháu V, cháu L đã xây dựng gia đình và ở riêng. Cả ba cháu đều trên 18 tuổi lao động tự túc được ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, công sức, đất canh tác: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như ông N trình bày là đúng, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay ông N làm đơn xin ly hôn, bà không đồng ý vì các con bà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, công sức và đất canh tác: Nếu ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc: Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông Phùng Văn N được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Phùng Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phùng Văn N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại thôn T, xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phùng Văn N và bà Nguyễn Thị L là hợp pháp, quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã ly thân từ lâu. Nhiều lần ông N đã làm yêu cầu ly hôn. Sau đó ông đã rút đơn để vợ chồng chung sống nhưng vợ chồng đều

không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà L đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N.

[3] Về con chung: Ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì hiện nay con chung của ông bà đều trưởng thành lao động tự túc được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, công sức và đất canh tác: Ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phùng Văn N và bà Nguyễn Thị L.
2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, công sức và đất canh tác: Ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí: Ông Phùng Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0009624 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Đ, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Tiến Dũng